

Số: 02/TB-HĐQT

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2019

THÔNG BÁO
Về việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2019, với nội dung sau:

- 1. Thời gian:** Vào lúc 7 giờ 15 phút, thứ 6 ngày 26 tháng 04 năm 2019.
- 2. Địa điểm:** Hội trường tầng 2 tòa nhà CT1 Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- 3. Nội dung Đại hội:** Theo chương trình đại hội đính kèm
- 4. Thành phần tham dự:** Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam tại thời điểm chốt danh sách ngày 26/03/2019 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam xác nhận và thông báo.
- 5. Đăng ký tham dự Đại hội:** Để công tác tổ chức Đại hội được thuận lợi, Quý cổ đông thực hiện thủ tục xác nhận trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự Đại hội (theo mẫu giấy ủy quyền đăng tải trên Website: <http://v-power.vn>) và gửi về văn phòng giao dịch Công ty: P1201 tòa nhà CT1, Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội theo đường bưu điện/ trực tiếp tới Công ty trước 16h ngày 24/04/2019.
- 6. Tài liệu đại hội** được công bố chi tiết trên Website công ty: <http://v-power.vn>
- 7. Ban tổ chức đại hội:** Phòng 1201 tòa nhà CT1, Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

- Điện thoại: 0243 5626614 Fax: 0243 562 6613

- Email: vananh198516@gmail.com

Lưu ý: Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến tham dự cần mang theo thư mời họp, giấy ủy quyền, CMND/Hộ Chiếu.

Quý cổ đông tự thanh toán chi phí đi lại, ăn ở trong thời gian tham dự Đại hội.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



Nguyễn Văn Anh



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

1. Thời gian: Từ 7h15 - 10h00 ngày 26/04/2019

2. Địa điểm: Hội trường tầng 2 tòa nhà CT1 Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

| TT | NỘI DUNG | THỜI GIAN |
|-----|--|-------------|
| 1 | Đón tiếp đại biểu, cổ đông. Kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông. | 7h15 - 7h35 |
| 2 | Khai mạc; tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và thành phần tham dự | 7h35 - 7h40 |
| 3 | Đại hội nghe báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông. | 7h40- 7h50 |
| 4 | Thông qua quy chế, làm việc của Đại hội, thể lệ biểu quyết | 7h50- 8h00 |
| 5 | Đại hội xem xét một số nội dung sau: | 8h00 - 8h30 |
| 5.1 | - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019; | |
| 5.2 | - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019; | |
| 5.3 | - Báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả SXKD năm 2018 và Kế hoạch SXKD năm 2019; | |
| 5.4 | - Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 và tờ trình thông qua; | |
| 5.5 | - Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019; | |
| 5.6 | - Tờ trình về thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2019; | |
| 6 | Đại hội thảo luận và xin ý kiến biểu quyết về các nội dung đã nêu trên. | 8h30 -9h30 |
| | Giải lao | 9h30 - 9h45 |
| 7 | Hoàn thiện và thông qua Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 | 9h45 - 10h |
| 8 | Bế mạc Đại hội. | |



Hà Nội, ngày tháng năm

**GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

Bên ủy quyền (Bên A):

Tên cá nhân/ tổ chức:.....

Mã số cổ đông:.....

CMND/ĐKKD số:..... cấp ngày:..... tại:.....

Địa chỉ:.....

Số cổ phần sở hữu:..... cổ phần (Bằng chữ:.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):.....

Bên nhận ủy quyền (Bên B): (Đánh dấu X vào ô lựa chọn để ủy quyền và điền các thông tin)

Ông Nguyễn Văn Anh

CMND số: 040077000087, cấp ngày: 29/01/2015, tại: Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLOG về dân cư.

Địa chỉ: P707 Chung cư 11 tầng, Mỹ Đình I, thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Tên cá nhân/tổ chức:.....

Mã số cổ đông (nếu có):.....

CMND/ĐKKD số:..... cấp ngày:..... tại:.....

Địa chỉ:.....

Nội dung ủy quyền: Bên A ủy quyền cho bên B thực hiện các công việc cụ thể sau:

- Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam vào ngày 26 tháng 4 năm 2019;

- Thực hiện quyền phát biểu và biểu quyết về tất cả các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Thời gian ủy quyền: Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian diễn ra Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam vào ngày 26 tháng 4 năm 2019.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2019

QUY CHẾ LÀM VIỆC

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá 13, kỳ họp lần thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty,

Hội đồng Quản trị Công ty dự thảo Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (“Đại hội”) của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam.

- Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

- Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội

- Điều kiện tham dự Đại hội: Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 26/3/2019 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) xác nhận.

- Quyền của cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Được trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự Đại hội bằng văn bản theo mẫu của Công ty;

b) Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;

c) Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội;

d) Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và các tài liệu ngay sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông;

e. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

- Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông hay người được ủy quyền dự họp khi tham dự Đại hội phải mang theo Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;

b) Ăn mặc lịch sự;

c) Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;

d) Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo quy định, tuân thủ thời gian phát biểu, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội;

e) Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội;

f) Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

g) Không được gây rối, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội;

h) Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội;

i) Nghiêm túc chấp hành Quy chế, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

a) Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

b) Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết; Phiếu biểu quyết và các tài liệu họp liên quan khác;

c) Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc Đại hội;

- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).



d) Thực hiện các công việc khác do Ban Tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và hai (02) thành viên do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn cách sử dụng thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu, tính toán và loại trừ các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết (nếu có) cho từng vấn đề biểu quyết.

- Trưởng Ban Kiểm phiếu báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu.

- Ban Kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

- Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.

- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản và bàn giao lại toàn bộ phiếu biểu quyết, các biên bản kiểm phiếu cho HĐQT Công ty ngay sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội

- Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tọa Đại hội gồm Chủ tọa Đại hội các thành viên HĐQT Công ty.

- Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

- Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;

- Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

- Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

- Chủ tọa có quyền cắt ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.

- Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

- Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội lập biên bản cuộc họp Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

Chương III

THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam xác nhận ngày 26/03/2019.

Điều 7. Tiến hành Đại hội

-. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

- Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

- Đại hội bế mạc sau khi Biên bản Đại hội được thông qua.

Điều 8. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết:

- Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên, chữ ký cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông.

- Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội.

Điều 9. Thể thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

- Cổ đông biểu quyết (Theo thứ tự: Đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến) một vấn đề bằng cách giơ cao thẻ biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

- Khi biểu quyết thông qua một vấn đề được Đại hội cổ đông đưa ra, các cổ đông đồng ý thông qua thì giơ thẻ biểu quyết lên cao.

- Tương tự, theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, các cổ đông không đồng ý, có ý kiến khác sẽ lần lượt giơ thẻ biểu quyết.

- Những cổ đông không giơ thẻ biểu quyết trong cả ba lần Chủ tọa hỏi ý kiến về nội dung đó (Đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến) được xem là đồng ý với nội dung đó.

- Theo từng lần biểu quyết, thành viên ban Kiểm phiếu sẽ đánh dấu số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông.



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

**PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ VPC.....**

Họ và tên cổ đông:.....
 Số lượng cổ phần sở hữu.....cổ phần
 Số lượng cổ phần nhận ủy quyền.....cổ phần
 Tổng số lượng cổ phần đại biểu:.....cổ phần

(Quý cổ đông đánh dấu vào ô ý kiến lựa chọn theo từng nội dung biểu quyết)

| NỘI DUNG | Tán thành | Không tán thành | Không ý kiến |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Nội dung 01: Thông qua Báo cáo của HĐQT năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 02: Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 03: Thông qua báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả SXKD năm 2018 và Kế hoạch SXKD năm 2019 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 04: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 05: Thông qua việc ủy quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 06: Thông qua mức chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2019 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Hướng dẫn: Cổ đông biểu quyết bằng cách lựa chọn **MỘT** trong các phương án: **Tán thành, Không Tán Thành, Không ý kiến** cho từng nội dung biểu quyết.

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2019

CỔ ĐÔNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Số: 01/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2019

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2019**

Hội đồng quản trị (HĐQT) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông công ty về công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019 như sau:

1. Kết quả hoạt động năm 2018:

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã họp bốn phiên và thống nhất các vấn đề chính sau:

- Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018;
- Thống nhất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tại dự án “Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình”, thống nhất phương án đầu tư thêm phương tiện, thiết bị phục vụ việc tăng lưu lượng đào tạo tại dự án, phê duyệt mức đầu tư mở rộng;
- Bàn bạc, xây dựng định mức, nâng cao hiệu quả hoạt động dự án “Xưởng sản xuất viên gỗ nén và các sản phẩm khác từ gỗ”. Chỉ đạo hoàn thành quy hoạch vùng nguyên liệu ổn định cho dự án, hoàn tất chứng chỉ FSC cho vùng nguyên liệu và cho nhà máy sản xuất viên gỗ nén.
- Nghiên cứu mở rộng đầu tư một số dự án sản xuất viên gỗ nén tại Hòa Bình và Nghệ An, chuẩn bị cho giai đoạn đầu tư tiếp theo.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo ban điều hành các lĩnh vực công tác về sản xuất kinh doanh, như sau:

- Chỉ đạo giảm thiểu chi phí phát sinh tại văn phòng công ty và văn phòng dự án “Trung tâm đào tạo - sát hạch lái xe Lương Sơn”, chỉ đạo tăng cường công tác tuyển sinh tại dự án, đảm bảo duy trì hoạt động tại dự án.
- Chỉ đạo công tác tái cơ cấu nguồn vốn vay của Công ty tại Ngân hàng phát triển Việt Nam - chi nhánh Hòa Bình để đảm bảo sự hoạt động liên tục của dự án, tránh ảnh hưởng đến hình ảnh của công ty tại địa phương đầu tư;
- Chỉ đạo công tác làm việc với các cơ quan ban ngành như Bộ Giao thông vận tải, Tổng Cục đường bộ, các sở ban ngành của tỉnh Hòa Bình để đảm bảo vận hành của dự án, tăng lưu lượng dự án “Trung tâm đào tạo - sát hạch lái xe Lương Sơn”;
- Chỉ đạo xây dựng định mức, tối ưu hóa sản xuất tại dự án “Viên gỗ nén và các sản phẩm khác từ gỗ”, chỉ đạo nghiên cứu thêm tiêu dự án sản xuất gỗ xẻ thanh hoặc ván bóc, tận dụng tối đa nhà xưởng, thiết bị đã đầu tư;



- Chỉ đạo Ban Giám đốc công ty thực hiện công tác báo cáo đầy đủ, kịp thời, tuân thủ các quy định của Công ty cổ phần đại chúng niêm yết.

2. Đánh giá kết quả hoạt động năm 2018:

Qua quá trình hoạt động năm 2018, Hội đồng quản trị có những nhận xét, đánh giá như sau:

- Hội đồng Quản trị luôn bám sát Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2018 để chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết;

- Thành viên Hội đồng quản trị đoàn kết, có phương pháp làm việc dân chủ, luôn bàn bạc để đi đến thống nhất cao các chủ trương, nghị quyết; đồng thời phối hợp tốt với Ban Giám đốc giải quyết công việc trôi chảy, nhanh chóng và đúng quy định;

- Hội đồng quản trị tiếp tục thống nhất không nhận thù lao trong năm 2018 để giảm thiểu gánh nặng tài chính cho Công ty;

- Hội đồng quản trị tích cực tìm kiếm và giới thiệu các cơ hội đầu tư mới, các đối tác mới để Ban Giám đốc nghiên cứu thực hiện.

3. Kế hoạch hoạt động năm 2019:

- Hội đồng quản trị thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 do Ban giám đốc công ty đề xuất, tập trung nghiên cứu đầu tư dự án đầu tư nhà máy viên gỗ nên tại Hòa Bình, từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD của công ty;

- Hội đồng quản trị sẽ thường xuyên theo dõi, chỉ đạo, hỗ trợ Ban Giám đốc để thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019;

- Tổ chức các phiên họp HĐQT định kỳ để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch sản xuất kinh doanh, các tờ trình của Ban Giám đốc để giải quyết kịp thời các đề xuất và nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT sẽ tổ chức các phiên họp bất thường để giải quyết, xử lý các phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- Tiếp tục tìm kiếm, giới thiệu các cơ hội đầu tư tốt để Ban Giám đốc nghiên cứu triển khai. Với tình hình sản xuất kinh doanh năm 2019 còn nhiều khó khăn, Hội đồng quản trị thống nhất sẽ tiếp tục không nhận thù lao trong năm 2019.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2018 và kế hoạch thực hiện năm 2019 của Hội đồng quản trị, kính trình cổ đông xem xét.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV. HĐQT & BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Anh

Số: 01/BC-BKS

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2019

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

Kính thưa Quý vị cổ đông!

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam (Sau đây gọi tắt là Công ty);

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và Định giá Thăng Long-T.D.K;

Căn cứ vào quy chế hoạt động của Ban kiểm soát,

Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động trong năm 2018 của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

1. Công tác đã thực hiện năm 2018

- Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định Pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2018, cụ thể:

+ Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong năm 2018 theo đúng quy định của Pháp luật và Công ty.

+ Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến các hoạt động của Công ty trong năm;

+ Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đối với HĐQT và Ban Giám đốc;

+ Thẩm tra các báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam;

+ Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Pháp Luật.

II. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị

- Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp theo đúng quy định của điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định Pháp luật, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.

- Hội đồng Quản trị đã ban hành các quyết định liên quan đến hoạt động của công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với căn cứ pháp lý theo quy định của Pháp Luật và Công ty. Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty như sau:

+ HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã phối hợp tốt với ban điều hành chỉ đạo, điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty, góp phần quan trọng vào việc bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

+ Các công tác khác theo chức năng và thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

III. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Giám đốc

- Trong năm 2018 Ban Giám đốc đã triển khai kịp thời các chỉ thị, Nghị quyết của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam, Quyết định của Hội đồng Quản trị. Ban Giám đốc đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng với Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty;

- Ban Giám đốc đã duy trì thường xuyên lịch họp giao ban, thành phần tham dự đầy đủ, nội dung cuộc họp tập trung giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh, đưa ra các biện pháp giải quyết ngay trong cuộc họp. Trong các cuộc họp, Giám đốc cũng đã triển khai các công việc, đề ra các giải pháp để thực hiện kế hoạch, chỉ thị, Quyết định đã được HĐQT ban hành.

- Ban Giám đốc đã ban hành, sửa đổi kịp thời các quy trình, quy chế để áp dụng vào thực tiễn một cách có hiệu quả nhất trong các công tác quản trị, quản lý chi phí, biện pháp thi công nhằm phù hợp với tình hình thực tế, theo xu hướng phát triển bền vững, lâu dài của Công ty.

IV. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018

1. Công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính năm 2018 được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

- Báo cáo tài chính năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và Định giá Thăng Long -T.D.K là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty đại chúng.

- Ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty là ý kiến chấp thuận toàn bộ. Báo cáo tài chính năm 2018 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trọng năm 2018, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu trong năm 2018 như sau:

Đơn vị tính: nghìn đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2017 | Ghi chú |
|-----|---|----------------|----------------|---------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 26.011.482.420 | 21.789.672.307 | |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 0 | 0 | |
| 3 | Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 26.011.482.420 | 21.789.672.307 | |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 24.776.666.386 | 22.742.117.153 | |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.234.816.034 | -952.444.846 | |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 1.721.435 | 1.081.891 | |
| 7 | Chi phí tài chính | 3.220.341.745 | 2.361.262.547 | |
| | - Lãi vay | 3.330.739.453 | 3.090.452.338 | |
| 8 | Chi phí bán hàng | 0 | 0 | |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 3.639.411.961 | 11.858.175.095 | |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | -5.623.216.237 | - | |
| 11 | Thu nhập khác | 4.198.508 | 1.612.601 | |
| 12 | Chi phí khác | 52.454.687 | 0 | |
| 13 | Lợi nhuận khác | -48.256.179 | 1.612.601 | |
| 14 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | -5.671.472.416 | - | |
| | | | 15.169.187.996 | |

V. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:

Sự phối hợp hoạt động giữa ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý khác của công ty được thực hiện chặt chẽ theo sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát được cung cấp các văn bản, tài liệu cần thiết trong

quá trình giám sát hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc. Các kiến nghị, đề xuất của Ban kiểm soát đều được HĐQT, Ban Giám đốc xem xét, chỉ đạo các đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện.

Công ty thực hiện việc công bố thông tin minh bạch, kịp thời theo quy định của Pháp luật.

VI. Kế hoạch định hướng năm 2019

Để thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch năm 2019 như sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị của công ty;
- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Giám sát các kế hoạch, tình hình triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư của công ty;
- Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính của công ty, kịp thời đưa ra những ý kiến đóng góp đối với Hội đồng quản trị và ban điều hành trong công tác quản trị, phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát. Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu: VT.



BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2019

I. Kết quả hoạt động năm 2018:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông và các Quyết định của Hội đồng Quản trị năm 2018, Ban Giám đốc Công ty đã chỉ đạo sát sao các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chi tiết kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2018 như sau:

1. Công tác đào tạo, sát hạch lái xe:

- Năm 2018 Công ty đã thực hiện việc đầu tư nâng cấp, xây dựng bổ sung cơ sở vật chất phục vụ việc đào tạo cho phù hợp với quy mô và các quy định mới:

+ Cải tạo lại toàn bộ hệ thống phòng lớp học phục vụ việc học lý thuyết và thực hành.

+ Xây mới thêm 1 dãy phòng lớp học phục vụ việc học lý thuyết theo quy định.

+ Đầu tư mới hệ thống sát hạch lái xe A1 chấm điểm tự động.

- Kết quả đào tạo, sát hạch lái xe năm 2018 cụ thể như sau:

+ Kết quả công tác tuyển sinh, đào tạo năm 2018:

| STT | Hạng đào tạo | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--------------|-------------|----------|
| 1 | Hạng A1 | Học viên | 3.140 |
| 2 | Hạng B2 | Học viên | 2.090 |
| 3 | Hạng C | Học viên | 1.568 |

+ Kết quả công tác sát hạch năm 2018:

| TT | Nội dung | Số lượng các kỳ sát hạch | Tổng số thí sinh đăng ký sát hạch | Tổng số thí sinh đến dự sát hạch | Số lượng thí sinh đạt sát hạch |
|----|-------------------|--------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|
| 1 | Mô tô hạng A1 | 32 | 5.231 | 4.628 | 3.920 |
| 2 | Ô tô hạng B2 và C | 33 | 6.151 | 4.964 | 3.058 |

2. Công tác sản xuất viên gỗ nén:

Năm 2018 mảng sản xuất viên gỗ nén và các sản phẩm khác từ gỗ đã đi vào ổn định, tuy nhiên công tác sản xuất vẫn gặp rất nhiều khó khăn trong công tác thu mua nguyên liệu đầu vào do sự cạnh tranh của các đơn vị có hoạt động sản xuất và chế biến lâm sản tương tự của các đơn vị sản xuất trong khu vực.

Kết quả sản xuất viên gỗ nén năm 2018 như sau:

| STT | Tên sản phẩm | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--------------|-------------|----------|---------|
| 1 | Viên gỗ nén | Tấn | 2.230 | |

3. Các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh năm 2018:

ĐVT: đồng

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2018 | | | |
|----|---|----------------|----------------|--------------------------------|-----------|
| | | Số thực hiện | Số kế hoạch | So sánh thực hiện với kế hoạch | |
| | | | | Chênh lệch | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 26.011.482.420 | 34.287.168.000 | -8.275.685.580 | 75,86 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 0 | 0 | 0 | |
| 3 | Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 26.011.482.420 | 34.287.168.000 | -8.275.685.580 | 75,86 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 24.776.666.386 | 30.632.923.215 | -5.856.256.829 | 80,88 |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.234.816.034 | 3.654.244.785 | -2.419.428.751 | 33,79 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 1.721.435 | 0 | 1.721.435 | |
| 7 | Chi phí tài chính | 3.220.341.745 | 2.476.000.000 | 744.341.745 | 130,06 |
| | - Lãi vay | 3.330.739.453 | 2.476.000.000 | 854.739.453 | 134,52 |
| | - Chi phí tài chính khác | -110.397.708 | 0 | -110.397.708 | |
| 8 | Chi phí bán hàng | 0 | 0 | 0 | |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 3.639.411.961 | 4.548.000.000 | -908.588.039 | 80,02 |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | -5.623.216.237 | -3.369.755.215 | -2.253.461.022 | 166,87 |
| 11 | Thu nhập khác | 4.198.508 | 0 | 4.198.508 | |
| 12 | Chi phí khác | 52.454.687 | 0 | 52.454.687 | |
| 13 | Lợi nhuận khác | -48.256.179 | 0 | -48.256.179 | |
| 14 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | -5.671.472.416 | -3.369.755.215 | -2.301.717.201 | 168,31 |

Đánh giá về kết quả kinh doanh năm 2018:

So với kế hoạch đề ra thì hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty không đạt được do các yếu tố chính sau:

- Doanh thu mảng đào tạo, sát hạch lái xe giảm 4.693.206.180 đồng. Nguyên nhân: Năm 2018 chưa xin cấp phép tăng lưu lượng được mảng đào tạo lái xe hạng B1 số tự động. Ngoài ra, trong năm có các chính sách mới liên quan tới mảng đào tạo, sát hạch khiến lượng học viên tham gia học lái xe các hạng A1, hạng C bị giảm.

- Doanh thu mảng sản xuất viên gỗ nén giảm 3.582.479.400 đồng. Nguyên nhân: Các khó khăn trong khâu nhập nguyên liệu đầu vào khiến Nhà máy chưa chủ động được phần đầu vào phục vụ việc sản xuất dẫn đến sản lượng giảm so với kế hoạch 1.420 tấn.

- Chi phí tài chính tăng do khi lập kế hoạch tính toán phần lãi vay thấp hơn thực tế 854.739.453 đồng.

- Ngoài ra, do tăng chi phí đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, tuyển dụng và tập huấn đội ngũ giáo viên nhằm đáp ứng đúng với quy định mới cũng khiến 1 phần chi phí tăng lên.

II. Cơ cấu tổ chức, nhân sự, tiền lương:

Tổng số lao động bình quân năm 2018 toàn Công ty là 150 người, trong đó:

- Văn phòng Công ty có 07 người, gồm:

+ Ban Giám đốc: 03 người

+ Phòng Hành chính - Quản trị: 02 người

+ Phòng Kế toán: 01 người

+ Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật: 01 người

- Trường nghề có 143 người. Chia ra:

+ Khối văn phòng: 19 người

+ Khối giáo viên: 113 giáo viên

+ Xưởng sản xuất: 11 người

- Thu nhập bình quân của người lao động: 5.660.000 đồng

- Chế độ BHXH: Người lao động toàn Công ty được tham gia đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

III. Phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019:

194
TY
HÀN
PHÁT
LƯỢNG
NAM
N - T

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

Bảng tổng hợp kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

DVT: đồng

| TT | Nội dung | Tổng cộng | Ghi chú |
|------------|---|-----------------------|---------|
| I | Doanh thu | 39.378.938.000 | |
| 1 | Đào tạo | 27.015.600.000 | |
| 2 | Cho Thuê cơ sở vật chất sát hạch và xe chíp | 2.873.338.000 | |
| 3 | Viên gối nén | 9.490.000.000 | |
| II | Giá vốn | 34.716.153.776 | |
| 1 | Đào tạo: | 21.395.690.400 | |
| 2 | Cho Thuê cơ sở vật chất sát hạch và xe chíp | 3.839.163.376 | |
| 3 | Viên gối nén | 9.481.300.000 | |
| III | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 4.662.784.224 | |
| 1 | Từ dự án đào tạo, sát hạch lái xe | 4.654.084.224 | |
| 2 | Từ dự án viên gối nén | 8.700.000 | |
| IV | Chi phí tài chính | 3.696.000.000 | |
| V | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 7.488.000.000 | |
| 1 | Chi phí QLDN Văn phòng Trường | 3.132.000.000 | |
| 2 | Chi phí Văn phòng Công ty | 1.956.000.000 | |
| 3 | Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư (đối với các khoản đầu tư không hiệu quả: Dự án thủy điện Nậm Xây Nội 1 và dự án thủy điện Nậm Xe) | 2.400.000.000 | |
| VI | Kết quả Kinh doanh | -6.521.215.776 | |

2. Các giải pháp thực hiện:

Để đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra, Ban giám đốc Công ty sẽ thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Tăng cường công tác quản lý nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ của các bộ phận, cá nhân.
- Đối với mảng đào tạo và sát hạch lái xe: Ổn định tổ chức, tiếp tục tăng cường công tác tuyển sinh bằng việc nâng cao chất lượng đào tạo, tăng cường việc liên kết đào tạo. Tiếp tục nghiên cứu để thực hiện việc mở thêm hạng đào tạo, sát hạch B1 số tự động đồng thời tăng lưu lượng đào tạo các hạng B2 và hạng C trên 1.000 học viên.

- Đối với xưởng sản xuất viên gỗ nén và các sản phẩm từ gỗ:
- + Tiếp tục chuẩn hóa quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn 5S.
- + Nghiên cứu và đa dạng hóa sản phẩm đầu ra.
- + Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm đầu ra, mở rộng thị trường trong và ngoài nước.
- + Liên kết với các đơn vị sản xuất trong khu vực nhằm tìm kiếm tiến tới làm chủ đơn hàng thương mại tạo điều kiện cho sản xuất phát triển bền vững.
- + Mở rộng và tăng cường tìm kiếm nguyên liệu đầu vào cho sản xuất tại các khu vực lân cận.
- Đối với các dự án góp vốn: Tiếp tục nghiên cứu để cơ cấu lại danh mục đầu tư, thanh khoản các dự án đầu tư đã lâu và không hiệu quả để tập trung nguồn lực vào các dự án có hiệu quả hơn.
- Đối với khoản nợ vay của Sở giao dịch I - Ngân hàng phát triển Việt Nam: Công ty tiếp tục nghiên cứu và trình các phương án xin cơ cấu lại khoản vay để giảm bớt khó khăn về tài chính.

Ban Giám đốc kính báo cáo Đại hội về tình hình sản xuất kinh doanh - tài chính của công ty năm vừa qua, kế hoạch năm 2019. Ban Giám đốc sẽ nghiên cứu một định hướng kinh doanh cụ thể hơn, có khả năng tạo chuyển biến mạnh cho toàn bộ hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

Kính đề nghị Đại hội xem xét và có ý kiến chỉ đạo và hỗ trợ Ban Giám đốc công ty trong quá trình thực hiện.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT.



Lại Thế Vĩnh

Số: 01/TTr-VPC

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá 13, kỳ họp lần thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam;

Căn cứ vào Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2018,

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và Định giá Thăng Long -T.D.K. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 của VPC đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của VPC. (Website: <http://v-power.vn>).

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HNX;
- UBCKNN;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Anh

Số: 02/TTr-VPC

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá 13, kỳ họp lần thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam,

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt các Công ty kiểm toán để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 như sau:

1. Công ty TNHH kiểm toán và Kế toán Hà Nội;
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K;
3. Công ty TNHH Dịch vụ kiểm toán, kế toán tư vấn thuế (AAT).

Kính đề nghị Đại hội thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán cụ thể theo danh sách trên.

Trường hợp danh sách các Công ty kiểm toán được phép kiểm toán báo cáo tài chính của các Công ty niêm yết do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố không có các Công ty trên thì ủy quyền cho HĐQT được phép lựa chọn Công ty Kiểm toán khác phù hợp.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HNX;
- UBCKNN;
- Lưu: VT.



Nguyễn Văn Anh

Số: 03/TTr-VPC

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá 13, kỳ họp lần thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam;

Căn cứ vào kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam,

HDQT Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) báo cáo việc chi thù lao cho Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch chi năm 2019 như sau:

1. Kết quả thực hiện chi thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm Soát năm 2018

Trong năm 2018 HDQT và BKS nhất trí không nhận thù lao để hỗ trợ Công ty giảm gánh nặng chi phí trong năm tài chính 2018.

2. Kế hoạch chi thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2019:

Năm 2019 HDQT và BKS thống nhất tiếp tục không nhận thù lao để hỗ trợ Công ty giảm bớt khó khăn trong sản xuất kinh doanh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HNX;
- UBCKNN;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Anh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Được thực hiện bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG – T.D.K



MỤC LỤC

| STT | NỘI DUNG | Trang |
|------------|---|----------------|
| 1 | Báo cáo của Ban Giám đốc | 02 - 03 |
| 2 | Báo cáo kiểm toán độc lập | 04 - 05 |
| 3 | Báo cáo tài chính đã được kiểm toán | |
| | <i>Bảng cân đối kế toán</i> | <i>06 - 07</i> |
| | <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i> | <i>08</i> |
| | <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i> | <i>09</i> |
| | <i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i> | <i>10 - 38</i> |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101601945 ngày 28 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 14 tháng 07 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101601945 ngày 14 tháng 07 năm 2017:

Trụ sở chính của Công ty: Số 4, ngõ 122 phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: **56.250.000.000 đồng** (Năm mươi sáu tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng)

Các đơn vị thành viên của Công ty như sau:

| Tên | Địa chỉ |
|--|--|
| Chi nhánh Công ty : Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp Hòa Bình | Xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình |

Chi nhánh Công ty hoạt động theo giấy phép thành lập số 1888/QĐ-UBND ngày 17/08/2007 về việc cho phép thành lập Trường trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp Hòa Bình của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình. Theo Quyết định số 1180/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình ngày 05/7/2017 về việc đổi tên Trường thành Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp Hòa Bình.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

| | |
|------------------------|----------|
| Ông Nguyễn Văn Anh | Chủ tịch |
| Ông Trần Mạnh Hùng | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Thành Trung | Ủy viên |
| Ông Lại Thế Vĩnh | Ủy viên |
| Ông Dương Văn Sơn | Ủy viên |

Ban Giám đốc

| | |
|-------------------|--------------|
| Ông Lại Thế Vĩnh | Giám đốc |
| Ông Dương Văn Sơn | Phó Giám đốc |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kinh doanh kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Lại Thế Vĩnh



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Địa chỉ: Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CA HN, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 4450 0668; Fax: 024 4450 0669 / Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com
Email: thanglongkiemtoan@gmail.com / admin@thanglongtdk.com.vn

Số: 15/2019/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam được lập ngày 29/03/2019 từ trang 06 đến trang 38 gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không nhằm phủ định ý kiến nêu trên. Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 33 của phần thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2018 chỉ tiêu “Nợ ngắn hạn” lớn hơn “Tài sản ngắn hạn” trên bảng cân đối kế toán 36.966.416.012 VND và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh lũy kế đang bị âm 63.472.183.680 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai phụ thuộc đáng kể vào kết quả kinh doanh cũng như kết quả thương thảo với các nhà đầu tư và các nhà cung cấp về gia hạn thời gian trả nợ, tài trợ vốn cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Báo cáo tài chính này chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh nào được xem là cần thiết đối với sự phân loại tài sản hoặc công nợ nếu Công ty không còn khả năng tiếp tục hoạt động. Vì vậy, báo cáo tài chính này vẫn được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần và vấn đề nhấn mạnh về khả năng hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Tiên Thành

Nguyễn Quý Trọng

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1706-2018-045-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4328-2018-045-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Mẫu số B01 - DN | |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | 31/12/2018 | 01/01/2018 |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 9.788.759.324 | 9.345.235.902 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 1.176.886.915 | 323.195.615 |
| 1. Tiền | 111 | 5 | 1.176.886.915 | 323.195.615 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | 404.985.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | 6.1 | - | 1.928.500.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | 6.2 | - | (1.523.515.000) |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 4.968.391.470 | 5.552.087.845 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 7 | 6.413.320.714 | 7.930.257.773 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 8 | 427.935.400 | 469.649.930 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | 15.000.000 | 319.000.000 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 9 | 4.435.476.407 | 5.216.563.193 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 10 | (6.323.341.051) | (8.383.383.051) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 1.627.688.836 | 1.286.036.320 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 12 | 1.627.688.836 | 1.286.036.320 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 2.015.792.103 | 1.778.931.122 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 13 | 648.544.322 | - |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 1.326.099.298 | 1.744.904.545 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 18 | 41.148.483 | 34.026.577 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 55.151.221.859 | 57.426.868.320 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 50.110.169.385 | 52.378.661.389 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 14 | 47.259.774.950 | 49.736.654.205 |
| - Nguyên giá | 222 | | 81.597.404.830 | 79.613.207.558 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (34.337.629.880) | (29.876.553.353) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 15 | 2.850.394.435 | 2.642.007.184 |
| - Nguyên giá | 228 | | 4.668.012.842 | 4.190.112.842 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (1.817.618.407) | (1.548.105.658) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 254.807.200 | 254.807.200 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 16 | 254.807.200 | 254.807.200 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 6.3 | 4.786.245.274 | 4.793.399.731 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết | 252 | | 6.909.759.430 | 6.909.759.430 |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 800.000.000 | 800.000.000 |
| 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (2.923.514.156) | (2.916.359.699) |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 64.939.981.183 | 66.772.104.222 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | 31/12/2018 | 01/01/2018 |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 62.958.059.378 | 59.050.792.183 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 46.755.175.336 | 38.294.491.468 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 17 | 1.128.732.395 | 412.809.275 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 6.256.906.000 | 4.525.780.000 |
| 3. Phải trả người lao động | 314 | | 643.810.894 | 535.061.464 |
| 4. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 1.101.578.318 | 1.031.311.789 |
| 5. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 19 | 24.907.865.138 | 21.827.246.349 |
| 6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 20.1 | 12.639.000.000 | 9.885.000.000 |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 77.282.591 | 77.282.591 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 16.202.884.042 | 20.756.300.715 |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 20.2 | 16.202.884.042 | 20.756.300.715 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1.981.921.805 | 7.721.312.039 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 21 | 1.981.921.805 | 7.721.312.039 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 21a | 56.250.000.000 | 56.250.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 56.250.000.000 | 56.250.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 8.922.401.000 | 8.922.401.000 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 204.421.894 | 204.421.894 |
| 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 77.282.591 | 77.282.591 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 21b | (63.472.183.680) | (57.732.793.446) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (57.800.711.264) | (42.563.605.450) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | (5.671.472.416) | (15.169.187.996) |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 64.939.981.183 | 66.772.104.222 |

Người lập biểu



Nguyễn Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Dương Văn Sơn

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Giám đốc




Lại Thế Vinh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2018

Mẫu số B02 – DN
 Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm | |
|---|-------|-------------|-----------------|------------------|
| | | | 2018 | 2017 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 22 | 26.011.482.420 | 21.789.672.307 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 22 | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | 22 | 26.011.482.420 | 21.789.672.307 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 23 | 24.776.666.386 | 22.742.117.153 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 1.234.816.034 | (952.444.846) |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 24 | 1.721.435 | 1.081.891 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 25 | 3.220.341.745 | 2.361.262.547 |
| - Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 3.330.739.453 | 3.090.452.338 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 26 | 3.639.411.961 | 11.858.175.095 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)} | 30 | | (5.623.216.237) | (15.170.800.597) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 27 | 4.198.508 | 1.612.601 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 28 | 52.454.687 | - |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | (48.256.179) | 1.612.601 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | (5.671.472.416) | (15.169.187.996) |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | - | - |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | (5.671.472.416) | (15.169.187.996) |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | - | - |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | 30 | (1.008) | (2.697) |

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019
 Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Nguyễn Hồng Hạnh

Dương Văn Sơn

Lại Thế Vinh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Năm 2018

Mẫu số B03 - DN
 Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm | |
|--|-------|-------------|-----------------|------------------|
| | | | 2018 | 2017 |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (5.671.472.416) | (15.169.187.996) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | | 4.730.589.276 | 4.720.665.557 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | (3.576.402.543) | 2.893.148.141 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (1.721.435) | (1.081.891) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 3.330.739.453 | 3.090.452.338 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | (1.188.267.665) | (4.466.003.851) |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 2.751.421.716 | 2.302.717.956 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (341.652.516) | 277.039.813 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 2.153.522.405 | 2.216.443.451 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (648.544.322) | - |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | 1.928.500.000 | 5.171.500.000 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (323.395.808) | (567.358.302) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 4.331.583.810 | 4.934.339.067 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (1.984.197.272) | (991.074.207) |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | (25.000.000) |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 304.000.000 | 6.000.000 |
| 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 1.721.435 | 1.081.891 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (1.678.475.837) | (1.008.992.316) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 775.000.000 | 330.000.000 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (2.574.416.673) | (4.341.000.004) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (1.799.416.673) | (4.011.000.004) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40) | 50 | | 853.691.300 | (85.653.253) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 323.195.615 | 408.848.868 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61) | 70 | 5 | 1.176.886.915 | 323.195.615 |

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Hồng Hạnh



Dương Văn Sơn



Lại Thế Vinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam (Gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0101601945 ngày 28 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 14 tháng 07 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 56.250.000.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần.

Công ty xuống sàn HNX từ tháng 5/2015, mã chứng khoán là VPC.

Địa chỉ giao dịch: Phòng 1201 tòa nhà CT1, Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ đăng ký kinh doanh: Số 4, ngõ 122 phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty hoạt động kinh doanh tổng hợp trên nhiều lĩnh vực, nhưng chủ yếu là đào tạo nghề ngắn hạn.

1.3 Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách bằng xe ô tô;
- Sản xuất, chế biến và buôn bán hàng lương thực, thực phẩm, hàng nông, lâm, thủy sản (trừ phân phối lúa gạo, đường mía, đường củ cải);
- Đào tạo nghề ngắn hạn và dài hạn (chi hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh các sản phẩm, linh kiện điện tử tin học;
- Đại lý mua, bán và ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bảo hiểm;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu và khí đốt hóa lỏng, đại lý xăng dầu, khí đốt hóa lỏng và các dịch vụ liên quan đến xăng dầu, khí đốt hóa lỏng;
- Mua bán chứng khoán (không bao gồm chứng khoán, cổ phiếu hoặc chứng chỉ trái phiếu nước ngoài);
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác quặng, khoáng sản được nhà nước cho phép lưu hành (trừ xuất khẩu dầu mỏ và các loại dầu thu được các khoáng bitum, ở dạng thô);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***1.3 THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

- Xây dựng các nhà máy xi măng;
- Xây dựng các công trình điện;
- Kinh doanh và sản xuất điện;
- Giám sát thi công xây dựng lắp đặt đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110KV;
- Giám sát thi công xây dựng - hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110KV;
- Thiết kế các công trình: Thủy lợi, thủy điện;
- Thiết kế công trình kiến trúc, thiết kế quy hoạch xây dựng;
- Thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp;
- Khảo sát địa chất thủy văn các công trình giao thông, thủy lợi, mặt bằng dân dụng;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa Công ty kinh doanh.

(Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp:

| Đơn vị | Địa chỉ | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|--|-----------------------------------|
| A Các đơn vị trực thuộc hạch toán báo sổ (Hạch toán tập trung tại Công ty) | | |
| 1 Văn phòng Công ty | P1201 Tòa nhà CT1 Khu đô thị Mỹ Đình, Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội | |
| 2 Trường Trung cấp kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp Hòa Bình | Xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình | Đào tạo Dạy nghề |
| B Các công ty liên doanh, liên kết | | |
| 1 Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai | Thôn Phiêng Đóng, xã Nậm Xây, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai | Sản xuất, truyền tải điện |
| 2 Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu | Số nhà 557, đường Trần Hưng, Tổ 6, phường Đoàn kết, Thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu, Việt Nam | Sản xuất, truyền tải điện |

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính:

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (Trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**4.3.1. Nguyên tắc ghi nhận****a) Chứng khoán kinh doanh;**

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

b) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác;

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

4.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

4.3.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

| | | | |
|---|---|------------------------------|---|
| Mức dự phòng tồn thất các khoản đầu tư tài chính | Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế | Vốn chủ sở hữu thực có | Vốn đầu tư của doanh nghiệp |
| | | | Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế |

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán :

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

| | | | | |
|---|---|---|--|---|
| Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán | Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính | x | Giá chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán | Giá chứng khoán thực tế trên thị trường |
|---|---|---|--|---|

- Đối với chứng khoán đã niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế trên các sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

4.4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

4.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

4.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tồn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác (tiếp theo)

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4.5 Nguyên tắc và ghi nhận hàng tồn kho

4.5.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho là chi phí đào tạo lái xe được theo dõi riêng từng khóa đào tạo và được tập hợp theo chi phí thực tế phát sinh của các khóa đào tạo đã kết thúc.

4.5.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng

4.5.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4.5.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

4.6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**4.6.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.6.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

| | |
|--|-------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 07-47 |
| - Máy móc, thiết bị | 03-15 |
| - Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | 06-20 |
| - Quyền sử dụng đất có thời hạn | 50 |
| - Phần mềm máy vi tính | 05-10 |

4.7 Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí thuê xe đào tạo và các chi phí khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Chi phí thuê xe đào tạo được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê của hợp đồng.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập Báo cáo tài chính, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

4.9 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này gồm:

- Chi phí chi phí lương giáo viên, chi phí xăng dầu xe cho các khóa học dở dang tính đến 31/12/2018

4.10 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.10 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng biếu sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được biếu, tặng này và các khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

4.11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

4.12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính..

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (Bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.14 Nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

5. TIỀN

| | 31/12/2018 | 01/01/2018 |
|---------------------------------|----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 36.315.044 | 30.310.145 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 1.140.571.871 | 292.885.470 |
| Cộng | 1.176.886.915 | 323.195.615 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM

Số 4, ngõ 122 phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MẪU SỐ B09 - DN**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

| | 31/12/2018 | | | 01/01/2018 | | |
|--|------------|---------|----------------|------------|---------|---------------|
| | Số lượng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | VND | VND |
| 6.1 Chứng khoán kinh doanh | - | - | - | - | 192.850 | 1.928.500.000 |
| Tổng giá trị cổ phiếu | - | - | - | - | 192.850 | 1.928.500.000 |
| Trong đó: | - | - | - | - | 192.850 | 1.928.500.000 |
| <i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần Solavina</i> | - | - | - | - | 192.850 | 1.928.500.000 |

6.2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

| | Năm 2018 | Năm 2017 |
|--------------------|-----------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | | |
| Trích lập dự phòng | (1.523.515.000) | (6.034.684.444) |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - |
| Số dư cuối năm | 1.523.515.000 | 4.511.169.444 |
| | | (1.523.515.000) |

6.3 Đầu tư tài chính dài hạn

| | 31/12/2018 | | | 01/01/2018 | | |
|--|---------------|-----------------|----------------|---------------|-----------------|----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| 6.3.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 6.909.759.430 | (2.623.514.156) | 4.286.245.274 | 6.909.759.430 | (2.616.359.699) | 4.293.399.731 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng Lượng | 3.126.131.763 | (2.331.265.424) | 794.866.339 | 3.126.131.763 | (2.325.656.003) | 800.475.760 |
| Lào Cai (*) | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng Lượng | 3.783.627.667 | (292.248.732) | 3.491.378.935 | 3.783.627.667 | (290.703.696) | 3.492.923.971 |
| Lai Châu(**) | | | | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM
Số 4, ngõ 122 phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
MẪU SỐ B09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

| | 31/12/2018 | | 01/01/2018 | |
|--|----------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| 6.3.2 Đầu tư vào đơn vị khác | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| <i>Công ty Cổ phần Phát triển Trí tuệ trẻ Việt Nam</i> | 800.000.000 | (300.000.000) | 800.000.000 | (300.000.000) |
| <i>Công ty Cổ phần Phát triển Nhân trí Việt Nam</i> | 300.000.000 | (300.000.000) | 300.000.000 | (300.000.000) |
| | 500.000.000 | (-) | 500.000.000 | (-) |
| | | | Giá trị hợp lý | Giá trị hợp lý |
| | | | 500.000.000 | 500.000.000 |

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

| Tên công ty liên kết | Tỷ lệ sở hữu (%) | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) | Tỷ lệ lợi ích (%) | Vốn điều lệ (VND) | Giá gốc (VND) | Dự phòng (VND) | Giá trị hợp lý (VND) |
|--|------------------|----------------------------|-------------------|------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai ^(*) | 8,68% | 30% | 30% | 36.000.000.000 | 3.126.131.763 | (2.331.265.424) | 794.866.339 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu | 5,04% | 30% | 30% | 75.000.000.000 | 3.783.627.667 | (292.248.732) | 3.491.378.935 |
| Cộng | | | | 111.000.000.000 | 6.909.759.430 | (2.623.514.156) | 4.286.245.274 |

(*)Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai (gọi tắt là “Công ty Lào Cai”) để đầu tư Dự án thủy điện Nậm Xây Nọi 1 tại tỉnh Lào Cai với tổng vốn đầu tư của Dự án là 128,39 tỷ đồng. Tuy nhiên, do Dự án nằm trong khu vực bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên nên Dự án bị yêu cầu tạm dừng thực hiện. Công ty Lào Cai đang nghiên cứu tính khả thi một số Dự án khác do Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai giới thiệu phù hợp với điều kiện Công ty, Công ty Lào Cai cam kết trả lại phần vốn đã góp cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển năng lượng Việt Nam nếu chưa tìm được Dự án mới phù hợp cho hết năm 2016 theo Công văn số 01/CV ngày 05/01/2015 của Công ty Lào Cai, đến ngày 30/01/2016 theo biên bản làm việc giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Năng lượng Việt Nam về việc đồng ý gia hạn nợ đến năm 2016. Theo đó, Công ty đồng ý gia hạn khoản nợ đến năm 2016. Trường hợp trong năm 2016 tìm được hay không tìm được dự án mới thay thế tiếp tục đầu tư. Ban điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai sẽ đề xuất hội đồng quản trị họp hội đồng cổ đông để xử lý khoản vóp vốn này. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính chưa có thông tin về khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM
Số 4, ngõ 122 phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
MẪU SỐ B09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

| Tên công ty | Số lượng | Giá gốc (VND) | Dự phòng (VND) | Giá trị hợp lý (VND) |
|---|---------------|--------------------|--------------------|-------------------------|
| Công ty Cổ phần Phát triển trí tuệ trẻ Việt Nam | 30.000 | 300.000.000 | 300.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Phát triển Nhân Trí Việt Nam | 50.000 | 500.000.000 | - | 500.000.000 |
| Cộng | 80.000 | 800.000.000 | 300.000.000 | 800.000.000 |

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2018 VND | 01/01/2018 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Ngắn hạn | 6.413.320.714 | 7.930.257.773 |
| Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng | 5.361.906.381 | 7.421.948.381 |
| Ông Nguyễn Văn Linh | - | 2.060.042.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai ⁽¹⁾ | 5.361.906.381 | 5.361.906.381 |
| Các khoản phải thu của khách hàng khác | 1.051.414.333 | 508.309.392 |
| Phải thu của khách hàng là các bên liên quan | 5.361.906.381 | 5.361.906.381 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư tài nguyên và Năng lượng Lào Cai- Công ty liên kết | 5.361.906.381 | 5.361.906.381 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

⁽¹⁾Theo hợp đồng mua bán cổ phần số 02/HĐMBCP/2010-LC ngày 20/02/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Năng lượng Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai. Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai mua 462.100 cổ phần của Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên do Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Năng lượng Việt Nam nắm giữ với giá 6.469.400.000 VND thời hạn thanh toán:

Năm 2011: 1.000.000.000 VND

Năm 2012: 5.369.400.000 VND

Theo phụ lục hợp đồng mua bán cổ phiếu số: PL 02/2014-LC ngày 10/12/2014 số tiền còn lại đến hết năm 2014 chưa thanh toán là 5.361.906.381 VND sẽ được gia hạn thanh toán theo thời gian:

Năm 2016: 0 VND

Năm 2016: 1.000.000.000 VND

Năm 2017: 2.000.000.000 VND

Năm 2018: 2.361.906.381 VND

Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai vẫn chưa thanh toán như cam kết.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

| | 31/12/2018 VND | 01/01/2018 VND |
|--|--------------------|--------------------|
| Ngắn hạn | 427.935.400 | 469.649.930 |
| Các khoản trả trước cho người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng trả trước cho người bán | 200.000.000 | 200.000.000 |
| <i>Trường Cao đẳng nghề Sông Đà</i> | <i>120.000.000</i> | <i>120.000.000</i> |
| <i>Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư phát triển và Xây dựng Thikeco</i> | <i>80.000.000</i> | <i>80.000.000</i> |
| Các khoản trả trước cho người bán khác | 227.935.400 | 269.649.930 |

9. PHẢI THU KHÁC

| | 31/12/2018 VND | | 01/01/2018 VND | |
|---|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ngắn hạn | 4.435.476.407 | (690.900.000) | 5.216.563.193 | (690.000.000) |
| Ký cược, ký quỹ | 16.525.000 | (-) | 16.525.000 | (-) |
| Phải thu cơ quan bảo hiểm | 36.583.132 | (-) | 11.398.420 | (-) |
| Phải thu khác | 1.373.830.418 | (690.900.000) | 1.084.596.519 | (690.900.000) |
| Các khoản phải thu khác chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu | 690.900.000 | (690.900.000) | 690.900.000 | (690.900.000) |
| <i>Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ cơ khí Việt</i> | <i>690.900.000</i> | <i>(690.900.000)</i> | <i>690.900.000</i> | <i>(690.900.000)</i> |
| <i>Phải thu Các đối tượng khác</i> | <i>682.930.418</i> | <i>(-)</i> | <i>393.696.519</i> | <i>(-)</i> |
| Tạm ứng | 3.008.537.857 | (-) | 4.104.043.254 | (-) |
| <i>Ông Nguyễn Văn Đức</i> | <i>2.078.137.147</i> | <i>(-)</i> | <i>1.852.932.544</i> | <i>(-)</i> |
| <i>Ông Nguyễn Văn Linh</i> | <i>511.938.715</i> | <i>(-)</i> | <i>1.878.938.715</i> | <i>(-)</i> |
| <i>Các đối tượng khác</i> | <i>418.461.995</i> | <i>(-)</i> | <i>372.171.995</i> | <i>(-)</i> |
| Phải thu khác là bên liên quan | | | | |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư tài nguyên và năng lượng Lai Châu</i> | <i>4.050.000</i> | <i>(-)</i> | <i>(-)</i> | <i>8.286.000</i> |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư tài nguyên và năng lượng Lào Cai</i> | <i>6.993.000</i> | <i>(-)</i> | <i>(-)</i> | <i>9.993.000</i> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

| | Năm 2018 VND | Năm 2017 VND |
|---------------------------|------------------------|------------------------|
| Ngắn hạn | | |
| Số dư đầu năm | (8.383.383.051) | (961.434.670) |
| Trích lập dự phòng | | (7.421.948.381) |
| Hoàn nhập dự phòng | 2.060.042.000 | - |
| Số dư cuối năm | (6.323.341.051) | (8.383.383.051) |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| - Phải thu của khách hàng | (5.632.441.051) | (7.692.483.051) |
| - Phải thu khác | (690.900.000) | (690.900.000) |

11. NỢ XẤU

| | 31/12/2018 VND | | 01/01/2018 VND | |
|--|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi | 6.323.341.051 | - | 8.383.383.051 | - |
| <i>Các khoản phải thu</i> | <i>6.323.341.051</i> | - | <i>8.383.383.051</i> | - |
| - Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng cầu hầm | 270.534.670 | - | 270.534.670 | - |
| <i>Thời gian quá hạn: trên 4 năm</i> | | | | |
| <i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i> | <i>270.534.670</i> | - | <i>270.534.670</i> | - |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư tài nguyên và năng lượng Lào Cai | 5.361.906.381 | - | 5.361.906.381 | - |
| <i>Thời gian quá hạn: trên 4 năm</i> | | | | |
| <i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i> | <i>5.361.906.381</i> | - | <i>5.361.906.381</i> | - |
| - Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Cơ khí Việt | 690.900.000 | - | 690.900.000 | - |
| <i>Thời gian quá hạn trên 4 năm</i> | | | | |
| <i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i> | <i>690.900.000</i> | - | <i>690.900.000</i> | - |
| Ông Nguyễn Văn Linh | - | - | 2.060.042.000 | - |
| <i>Thời gian quá hạn trên 3 năm</i> | - | - | - | - |
| <i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i> | - | - | <i>2.060.042.000</i> | - |

12. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2018 VND | | 01/01/2018 VND | |
|--------------------------------------|----------------------|------------|----------------------|------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 275.977.362 | (-) | 236.571.017 | (-) |
| Công cụ, dụng cụ | 194.921.965 | - | - | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 1.098.062.936 | (-) | 1.031.311.789 | (-) |
| Thành phẩm | 58.726.573 | (-) | 18.153.514 | (-) |
| Cộng | 1.627.688.836 | (-) | 1.286.036.320 | (-) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | <u>Năm 2018</u> <u>VND</u> | <u>Năm 2017</u> <u>VND</u> |
|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Ngắn hạn | | |
| Chi phí thuê xe đào tạo | 288.249.981 | - |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 192.811.938 | - |
| Chi phí sửa chữa | 167.482.403 | - |
| Cộng | <u><u>648.544.322</u></u> | <u><u>-</u></u> |

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
MẪU SỐ B09 - DN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM
Số 4, ngõ 122 phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

14. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Đơn vị tính: VND |
|-------------------------------|---------------------------|-----------------------|------------------------------------|-----------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | |
| Tại ngày 01/01/2018 | 50.313.680.693 | 11.087.848.380 | 18.211.678.485 | 79.613.207.558 |
| Tăng trong năm | 616.279.090 | 320.500.000 | 1.047.418.182 | 1.984.197.272 |
| Mua trong năm | 616.279.090 | 320.500.000 | 1.047.418.182 | 1.984.197.272 |
| Tại ngày 31/12/2018 | 50.929.959.783 | 11.408.348.380 | 19.259.096.667 | 81.597.404.830 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | |
| Tại ngày 01/01/2018 | 13.355.953.994 | 2.551.558.196 | 13.969.041.163 | 29.876.553.353 |
| Tăng trong năm | 2.504.899.005 | 867.469.570 | 1.088.707.952 | 4.461.076.527 |
| Khấu hao trong năm | 2.504.899.005 | 867.469.570 | 1.088.707.952 | 4.461.076.527 |
| Tại ngày 31/12/2018 | 15.860.852.999 | 3.419.027.766 | 15.057.749.115 | 34.337.629.880 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | |
| Tại ngày 01/01/2018 | 36.957.726.699 | 8.536.290.184 | 4.242.637.322 | 49.736.654.205 |
| Tại ngày 31/12/2018 | 35.069.106.784 | 7.989.320.614 | 4.201.347.552 | 47.259.774.950 |

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 9.195.041.372 VND (Thời điểm 31/12/2017 là 8.505.092.622 VND)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất | Website Công ty | Phần mềm máy vi tính | Cộng |
|-------------------------------|----------------------|--------------------|-------------------------|---------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | |
| Tại ngày 01/01/2018 | 2.198.712.842 | 50.000.000 | 1.941.400.000 | 4.190.112.842 |
| Tăng trong năm | - | - | 477.900.000 | 477.900.000 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - |
| Tại ngày 31/12/2018 | 2.198.712.842 | 50.000.000 | 2.419.300.000 | 4.668.012.842 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | |
| Tại ngày 01/01/2018 | 439.792.530 | 50.000.000 | 1.058.313.128 | 1.548.105.658 |
| Tăng trong năm | 43.974.252 | - | 225.538.497 | 269.512.749 |
| Khấu hao trong năm | 43.974.252 | - | 225.538.497 | 269.512.749 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - |
| Tại ngày 31/12/2018 | 483.766.782 | 50.000.000 | 1.283.851.625 | 1.817.618.407 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | |
| Tại ngày 01/01/2018 | 1.758.920.312 | - | 883.086.872 | 2.642.007.184 |
| Tại ngày 31/12/2018 | 1.714.946.060 | - | 1.135.448.375 | 2.850.394.435 |

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 318.000.000 VND, tại ngày 31/12/2017 là 50.000.000 VND.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình mang đi thế chấp là 2.198.712.842 VND.

16. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | Năm 2018 VND | Năm 2017 VND |
|---------------------------------|-----------------|-----------------|
| Tại ngày 01 tháng 01 | 254.807.200 | - |
| Tăng trong năm | - | 254.807.200 |
| Xây dựng cơ bản tài sản cố định | - | 254.807.200 |
| Giảm trong năm | - | - |
| Tại ngày 31 tháng 12 (*) | 254.807.200 | 254.807.200 |

(*) Bao gồm:

| | 31/12/2018 VND | 01/01/2018 VND |
|--------------------|-------------------|-------------------|
| Dự án Xưởng gỗ nén | 254.807.200 | 254.807.200 |
| Cộng | 254.807.200 | 254.807.200 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

| | 31/12/2018 | | 01/01/2018 | |
|--|----------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Ngắn hạn | 1.128.732.395 | 1.128.732.395 | 412.809.275 | 412.809.275 |
| Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả | 842.365.090 | 842.365.090 | 289.686.000 | 289.686.000 |
| <i>Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom</i> | <i>700.450.000</i> | <i>700.450.000</i> | <i>20.000.000</i> | <i>20.000.000</i> |
| <i>Công ty TNHH Xây dựng và Cơ khí Xuân Cường</i> | <i>76.279.090</i> | <i>76.279.090</i> | <i>204.050.000</i> | <i>204.050.000</i> |
| <i>Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế kỹ thuật và Xây dựng Việt Nam</i> | <i>65.636.000</i> | <i>65.636.000</i> | <i>65.636.000</i> | <i>65.636.000</i> |
| Các khoản phải trả người bán khác | 286.367.305 | 286.367.305 | 123.123.275 | 123.123.275 |

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 01/01/2018 | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | 31/12/2018 |
|--|---------------------|----------------------|-------------------------|---------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Thuế giá trị gia tăng đầu ra | - | 12.988.127 | 12.988.127 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | (9.688.820) | - | - | (9.688.820) |
| Thuế thu nhập cá nhân | (24.337.757) | 36.509.240 | 43.631.146 | (31.459.663) |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | 22.225.830 | 22.225.830 | - |
| Các loại thuế khác | - | 4.000.000 | 4.000.000 | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 4.792.935 | 4.792.935 | - |
| Cộng | (34.026.577) | 80.516.132 | 87.638.038 | (41.148.483) |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Phải nộp | - | - | - | - |
| Phải thu | 34.026.577 | - | - | 41.148.483 |

19. PHẢI TRẢ KHÁC

| | 31/12/2018 | 01/01/2018 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 24.907.865.138 | 21.827.246.349 |
| Kinh phí công đoàn | 130.709.243 | 75.687.070 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế | 23.134.850 | 5.640.879 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 24.754.021.045 | 21.745.918.400 |
| <i>Lãi vay phải trả Ngân hàng Habubank</i> | <i>9.047.130.811</i> | <i>9.047.130.811</i> |
| <i>Lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình</i> | <i>15.414.426.405</i> | <i>12.407.082.760</i> |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 292.463.829 | 291.704.829 |
| Trong đó: Số nợ quá hạn chưa thanh toán | 17.953.244.851 | 14.295.901.206 |
| <i>Lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình⁽¹⁾</i> | <i>8.906.114.040</i> | <i>5.248.770.395</i> |
| <i>Lãi vay phải trả Ngân hàng Habubank⁽²⁾</i> | <i>9.047.130.811</i> | <i>9.047.130.811</i> |

⁽¹⁾Theo phiếu đối chiếu cho vay, thu nợ trong nước tính đến hết ngày 31/12/2018 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Phòng giao dịch Hòa Bình.

⁽²⁾Đã thanh toán hết số nợ gốc vay với ngân hàng Habubank.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

| | <u>31/12/2018</u> VND | <u>01/01/2018</u> VND |
|---|--------------------------|--------------------------|
| 20.1 Ngắn hạn | 12.639.000.000 | 9.885.000.000 |
| Các khoản vay | 12.639.000.000 | 9.885.000.000 |
| 20.2 Dài hạn | 16.202.884.042 | 20.756.300.715 |
| Các khoản vay | 16.202.884.042 | 20.756.300.715 |
| Vay và nợ thuê tài chính bên liên quan | 300.000.000 | 300.000.000 |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư tài nguyên và năng lượng Lai Châu</i> | <i>300.000.000</i> | <i>300.000.000</i> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM
Số 4, ngõ 122 phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
MẪU SỐ B09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chi tiết các khoản vay

| | 31/12/2018 | | Trong năm | | Số có khả năng trả nợ VND |
|---|-----------------------|---------------------------|----------------------|----------------------|---------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ VND | Tăng ^(*) | Giảm | |
| Vay ngắn hạn | 12.639.000.000 | 12.639.000.000 | 5.238.000.000 | 2.484.000.000 | 9.885.000.000 |
| Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình ⁽¹⁾ | 11.997.000.000 | 11.997.000.000 | 4.976.000.000 | 540.000.000 | 7.561.000.000 |
| Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội ⁽²⁾ | 262.000.000 | 262.000.000 | 262.000.000 | 110.000.000 | 110.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư VSC Việt Nam | - | - | - | 461.000.000 | 461.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư tài nguyên và năng lượng Lai Châu | 300.000.000 | 300.000.000 | - | - | 300.000.000 |
| Vay cá nhân ⁽³⁾ | 80.000.000 | 80.000.000 | - | 1.373.000.000 | 1.453.000.000 |
| Vay dài hạn | 16.202.884.042 | 16.202.884.042 | 775.000.000 | 5.328.416.673 | 20.756.300.715 |
| Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình ⁽¹⁾ | 15.477.800.720 | 15.477.800.720 | - | 4.976.000.000 | 20.453.800.720 |
| Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội ⁽²⁾ | 725.083.322 | 725.083.322 | 775.000.000 | 352.416.673 | 302.499.995 |
| Cộng | 28.841.884.042 | 28.841.884.042 | 6.013.000.000 | 7.812.416.673 | 30.641.300.715 |

(*)Tăng do phân loại lại gốc vay từ dài hạn sang ngắn hạn theo kế hoạch trả nợ của ngân hàng Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình số tiền 4.976.000.00 VND và phân loại gốc vay từ dài hạn sang ngắn hạn theo kế hoạch trả nợ của ngân hàng Tiên Phong số tiền 262.000.000 VND.

Chi tiết các hợp đồng vay còn số dư tại 31/12/2018:

⁽¹⁾Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình theo:

Hợp đồng vay vốn tín dụng số 19/2007/HĐTD ngày 20/12/2007; Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 76/2010/HĐKT/HĐTD-NHPT-SGDI ngày 20/08/2010; Hợp đồng tín dụng đầu tư sửa đổi, bổ sung số 46/2011/PLHĐTDT-NHPT-SGDI ngày 22/07/2011; Hợp đồng tín dụng đầu tư sửa đổi số 03.19.2007.HB/2012/HĐTĐTSD-NHPT-SGDI ngày 29/06/2012 và Hợp đồng tín dụng đầu tư sửa đổi số 04.19.2007/2014/HĐTĐTSD-NHPT-SGDI ngày 31/12/2014. Với các điều khoản cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM

Số 4, ngõ 122 phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MẪU SỐ B09 - DN

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Hạn mức tín dụng: 54.628.656.000 VND

Mục đích vay: Dùng để đầu tư phần xây lắp, thiết bị (Không bao gồm thuế VAT) của dự án Trường trung cấp kinh tế - kỹ thuật công nghiệp Hòa Bình theo thiết kế kỹ thuật - dự toán được phê duyệt theo quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Lãi suất vay: Theo từng giấy nhận nợ;

Thời hạn vay: 14 năm (168 tháng) từ ngày nhận được khoản giải ngân đầu tiên;

Kỳ trả nợ: 11 năm 6 tháng (138 tháng, đến hết quý I năm 2023);

Tài sản đảm bảo: Thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành từ nguồn vốn vay và vốn tự có của chủ đầu tư theo hợp đồng số 01/2008/HĐTCQSDD-TL ngày 07/01/2008 và phụ lục hợp đồng số 03/2008/HĐTCQSDD-TL-PL ngày 10/01/2008;

Thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ 3 theo hợp đồng số 36/2009/HĐTCQSDD-NHPT-PC ngày 08/07/2009 và hợp đồng số 37/2009/HĐTCQSDD-NHPT-PC ngày 08/07/2009;

Số dư tiền vay tại ngày 31/12/2018 là 27.474.800.720 VND;

Gốc vay phải trả trong năm 2019 là 4.976.000.000 VND.

Kế hoạch trả nợ theo hợp đồng tín dụng đầu tư sửa đổi số 04.19.2007/2014/HĐTĐTSD-NHPT-SGDI ngày 31/12/2014. Cụ thể:

| <u>Năm trả nợ</u> | <u>Số tiền trả nợ</u> |
|-------------------|-----------------------|
| Năm 2014 | 250.000.000 |
| Năm 2016 | 600.000.000 |
| Năm 2017 | 700.000.000 |
| Năm 2017 | 4.976.000.000 |
| Năm 2018 | 4.976.000.000 |
| Năm 2019 | 4.976.000.000 |
| Năm 2020 | 4.976.000.000 |
| Năm 2021 | 4.976.000.000 |
| Năm 2022 | 4.976.000.000 |
| Năm 2023 | 1.264.800.720 |

Cộng 32.670.800.720

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM

Số 4, ngõ 122 phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MÀU SỐ B09 - DN

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

⁽²⁾Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội theo:

Hợp đồng số 221/2016/HDTĐ/TTB MB2/01 ngày 22/9/2016. Với các điều khoản cụ thể sau:

Hạn mức cho vay: 550.000.000 VND

Mục đích vay: Vay mua ô tô theo hợp đồng kinh tế 301/HN giữa Công ty Cổ phần ô tô KCV Thăng Long và Trường trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp Hòa Bình ngày 28/7/2016;

Lãi suất vay: Lãi suất linh hoạt như sau:

Từ 23/9/2016 đến 23/3/2018 là: 7,8%/năm

Từ 24/3/2018 đến 23/9/2021: lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần và bằng Lãi suất cơ sở 3 tháng của TPBank tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,05%/năm

Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên (23/09/2016 đến 23/9/2021);

Tài sản đảm bảo:

Thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành từ nguồn vốn vay và vốn tự có của chủ đầu tư theo hợp đồng số 01/2008/HĐTCQSDĐ-TL ngày 07/01/2008 và phụ lục hợp đồng số 03/2008/HĐTCQSDĐ-TL-PL ngày 10/01/2008;

Thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ 3 theo hợp đồng số 36/2009/HĐTCQSDĐ-NHPT-PC ngày 08/07/2009 và hợp đồng số 37/2009/HĐTCQSDĐ-NHPT-PC ngày 08/07/2009;

Số dư tiền vay tại ngày 31/12/2018 là 298.749.991 VND;

Gốc vay phải trả trong năm 2019 là 110.000.000 VND.

Hợp đồng số 1046/2018/HĐTĐ/TTB MB2/01 ngày 31/5/2018. Với các điều khoản cụ thể sau:

Số tiền vay: 775.000.000 VND

Mục đích vay:

Thanh toán tiền mua xe ô tô phục vụ mục đích vận tải nội bộ của khách hàng theo hợp đồng mua bán xe ô tô số: 180767/HĐMB ký ngày 20/04/2018 giữa trường Trung cấp Kinh tế-Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình và Công ty Cổ phần Toyota Thăng Long số tiền: 760.000.000VND

Lãi suất vay: Lãi suất được quy định tại từng văn bản nhận nợ của Khách hàng

Lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 1/6/2019 là 8,4%/năm

Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 1/6/2023:lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất cơ sở VND kỳ hạn 03 tháng cho vay khách hàng doanh nghiệp của TPBank tại thời điểm điều chỉnh công biên độ 4,55%/năm.

Thời hạn vay:

60 tháng từ ngày 2/6/2018 đến 1/6/2023;

Tài sản đảm bảo:

Hợp đồng thế chấp tài sản số 1046 ngày 31/5/2018 với giá trị đảm bảo số tiền 1.014.000.000 VND là Xe Toyota Vios E màu nâu vàng, BKS: 28A-063.06 và BKS: 28A 063.95.

Số dư tiền vay tại ngày 31/12/2018 là 686.333.331 VND;

Gốc vay phải trả trong năm 2019 là 152.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM

Số 4, ngõ 122 phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MAU SO B09 - DN

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

⁽³⁾ Vay cá nhân theo các hợp đồng ký kết với từng cá nhân, lãi suất quy định trên từng hợp đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Đơn vị tính: VND |
|----------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|-------------------------------|-----------------------------------|------------------|
| Tại ngày 01/01/2017 | 56.250.000.000 | 8.922.401.000 | 204.421.894 | 77.282.591 | (42.563.605.450) | 22.890.500.035 |
| Tăng trong năm trước | - | - | - | - | - | - |
| Giảm trong năm trước | - | - | - | - | (15.169.187.996) | (15.169.187.996) |
| Lỗ trong năm trước | - | - | - | - | (15.169.187.996) | (15.169.187.996) |
| Tại ngày 31/12/2017 | 56.250.000.000 | 8.922.401.000 | 204.421.894 | 77.282.591 | (57.732.793.446) | 7.721.312.039 |
| Tại ngày 01/01/2018 | 56.250.000.000 | 8.922.401.000 | 204.421.894 | 77.282.591 | (57.732.793.446) | 7.721.312.039 |
| Tăng trong năm nay | - | - | - | - | - | - |
| Giảm trong năm nay | - | - | - | - | 5.739.390.234 | 5.739.390.234 |
| Lỗ trong năm nay | - | - | - | - | 5.671.472.416 | 5.671.472.416 |
| Giảm khác | - | - | - | - | 67.917.818 | 67.917.818 |
| Tại ngày 31/12/2018 | 56.250.000.000 | 8.922.401.000 | 204.421.894 | 77.282.591 | (63.472.183.680) | 1.981.921.805 |

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

| | 31/12/2018 | 01/01/2018 |
|--------------------|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Tổng số | | |
| Vốn cổ phần thường | 56.250.000.000 | 56.250.000.000 |
| Tổng số | 56.250.000.000 | 56.250.000.000 |
| Vốn cổ phần thường | 5.625.000 | 5.625.000 |
| Tổng số | 56.250.000.000 | 56.250.000.000 |

Vốn góp của các tổ chức, đối tượng

Cộng

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

| a. Vốn góp của chủ sở hữu | Năm 2018 | Năm 2017 |
|--|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Tại ngày 01/01 | 56.250.000.000 | 56.250.000.000 |
| Tăng trong năm | - | - |
| Giảm trong năm | - | - |
| Tại ngày 31/12 | 56.250.000.000 | 56.250.000.000 |
| b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Năm 2018 | Năm 2017 |
| | VND | VND |
| Tại ngày 01/01 | (57.732.793.446) | (42.563.605.450) |
| Tăng trong năm | - | - |
| Giảm trong năm | (5.739.390.234) | (15.169.187.996) |
| Lỗ trong năm | (5.671.472.416) | (15.169.187.996) |
| Giảm khác | (67.917.818) | |
| Tại ngày 31/12 | (63.472.183.680) | (57.732.793.446) |
| c. Cổ phiếu | 31/12/2018 | 01/01/2018 |
| | Cổ phiếu | Cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 5.625.000 | 56.250.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 5.625.000 | 56.250.000 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>5.625.000</i> | <i>56.250.000</i> |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 5.625.000 | 56.250.000 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>5.625.000</i> | <i>56.250.000</i> |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu) | 10.000 | 10.000 |

22. DOANH THU

| | Năm 2018 | Năm 2017 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| Doanh thu bán thành phẩm | 5.542.520.600 | 3.313.031.580 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 20.468.961.820 | 18.476.640.727 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | (-) | (-) |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 26.011.482.420 | 21.789.672.307 |

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm 2018 | Năm 2017 |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn thành phẩm đã bán | 6.098.039.472 | 2.024.546.961 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 18.678.626.914 | 20.717.570.192 |
| Cộng | 24.776.666.386 | 22.742.117.153 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2018 VND | Năm 2017 VND |
|----------------------------|------------------|------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 1.721.435 | 1.081.891 |
| Cộng | 1.721.435 | 1.081.891 |

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm 2018 VND | Năm 2017 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền vay | 3.330.739.453 | 3.090.452.338 |
| Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính | 1.411.420.400 | 3.770.000.000 |
| Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | (1.523.515.000) | (4.511.169.444) |
| Chi phí tài chính khác | 1.696.892 | 11.979.653 |
| Cộng | 3.220.341.745 | 2.361.262.547 |

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm 2018 VND | Năm 2017 VND |
|---|----------------------|-----------------------|
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 3.639.411.961 | 11.858.175.095 |
| Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp | 1.214.534.098 | 8.378.443.491 |
| <i>Chi phí nhân viên quản lý</i> | 2.484.195.551 | 2.228.725.902 |
| <i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i> | 783.226.090 | 787.811.208 |
| <i>Chi phí dự phòng</i> | (2.052.887.543) | 6.621.472.621 |
| Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 2.424.877.863 | 2.220.165.364 |

27. THU NHẬP KHÁC

| | Năm 2018 VND | Năm 2017 VND |
|----------------|------------------|------------------|
| Các khoản khác | 4.198.508 | 1.612.601 |
| Cộng | 4.198.508 | 1.612.601 |

28. CHI PHÍ KHÁC

| | Năm 2018 VND | Năm 2017 VND |
|-------------------|-------------------|-----------------|
| Các khoản bị phạt | 5.344.071 | - |
| Các khoản khác | 47.110.616 | - |
| Cộng | 52.454.687 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2018 VND | Năm 2017 VND |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 11.071.450.481 | 7.420.736.125 |
| Chi phí nhân công | 7.985.484.541 | 8.231.526.574 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 4.730.589.276 | 4.720.665.557 |
| Chi phí dự phòng | (2.052.887.543) | 6.621.472.621 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.293.903.985 | 7.293.395.642 |
| Chi phí khác | 2.454.288.754 | 35.455.916 |
| Cộng | 28.482.829.494 | 34.323.252.435 |

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm 2018 VND | Năm 2017 VND |
|---|------------------------|-------------------------|
| Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1) | (5.671.472.416) | (15.169.187.996) |
| Các khoản điều chỉnh tăng (2a) | - | - |
| Các khoản điều chỉnh giảm (2b) | - | - |
| Lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3=1+2a-2b) | (5.671.472.416) | (15.169.187.996) |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4) | 5.625.000 | 5.625.000 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu (5=3/4) | (1.008) | (2.697) |

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu, bao gồm: Quyền chọn mua chứng quyền và các công cụ tương đương; công cụ tài chính có thể chuyển đổi; cổ phiếu phổ thông phát hành có điều kiện; hợp đồng được thanh toán bằng cổ phiếu phổ thông hoặc bằng tiền; các quyền chọn đã được mua; quyền chọn bán đã phát hành... nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

31. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Trường Cao đẳng Nghề Hòa Bình trực thuộc Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình giao cho sử dụng thửa đất số 950, xóm Bến Cuối, xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00606 ngày 28/11/2007, diện tích thực tế sử dụng 74.086,1 m², đơn giá thuê đất là 3.360 đồng/m², thời hạn sử dụng đất đến ngày 28/11/2057, mục đích sử dụng là Xây dựng trường Trung cấp nghề kinh tế kỹ thuật công nghiệp Hòa Bình, Công ty được miễn thuế đất trong thời hạn 11 năm bắt đầu từ ngày 28/11/2007.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

| | Giá trị ghi sổ 31/12/2018 VND | Giá trị ghi sổ 01/01/2018 VND |
|--------------------------|--|--|
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền | 1.176.886.915 | 323.195.615 |
| Chứng khoán kinh doanh | - | 404.985.000 |
| Phải thu của khách hàng | 6.413.320.714 | 7.930.257.773 |
| Phải thu về cho vay | 15.000.000 | 319.000.000 |
| Phải thu khác | 4.435.476.407 | 5.216.563.193 |
| Cộng | 12.040.684.036 | 14.194.001.581 |
| Nợ tài chính | | |
| Phải trả người bán | 1.128.732.395 | 412.809.275 |
| Chi phí phải trả | 1.101.578.318 | 1.031.311.789 |
| Phải trả khác | 24.907.865.138 | 21.827.246.349 |
| Vay và nợ thuê tài chính | 28.841.884.042 | 30.641.300.715 |
| Cộng | 55.980.059.893 | 53.912.668.128 |

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

• **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

| | Đến 1 năm VND | Trên 1 năm VND |
|----------------------------|--------------------------|---------------------------|
| Tại ngày 31/12/2018 | | |
| Phải trả người bán | 1.128.732.395 | - |
| Chi phí phải trả | 1.101.578.318 | - |
| Phải trả khác | 24.907.865.138 | - |
| Vay và nợ thuê tài chính | 12.639.000.000 | 16.202.884.042 |
| Cộng | 39.777.175.851 | 16.202.884.042 |
| Tại ngày 01/01/2018 | | |
| Phải trả người bán | 412.809.275 | - |
| Chi phí phải trả | 1.031.311.789 | - |
| Phải trả khác | 21.827.246.349 | - |
| Vay và nợ thuê tài chính | 9.885.000.000 | 20.756.300.715 |
| Cộng | 33.156.367.413 | 20.756.300.715 |

• **Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng (nếu có) đối với phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

32. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

| Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc | Năm 2018 VND | Năm 2017 VND |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Ông Nguyễn Văn Anh | 152.409.975 | - |
| Ông Lại Thế Vinh | 409.863.005 | 401.000.000 |
| Ông Dương Văn Sơn | 365.649.195 | 350.908.000 |
| Cộng | 927.922.175 | 751.908.000 |

33. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục cho dù tại ngày 31/12/2018 chỉ tiêu “Nợ ngắn hạn” lớn hơn “Tài sản ngắn hạn” trên bảng cân đối kế toán 36.966.416.012 VND và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh lũy kế đang bị âm 63.472.183.680 VND. Ban Giám đốc đã có những dự kiến về kế hoạch kinh doanh trong thời gian tới cho Công ty. Ban Giám đốc cũng đồng thời đưa ra các giải pháp nhằm duy trì thị trường truyền thống, tìm kiếm thị trường mới nhằm tăng doanh thu, giảm chi phí. Ban Giám đốc cho rằng kế hoạch kinh doanh của Công ty trong thời gian tới là hoàn toàn khả thi và vẫn đảm bảo đủ vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh trong thời gian tới cho Công ty. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể vượt qua được những khó khăn và không cần phải thu hẹp quy mô hoạt động kinh doanh. Ban Giám đốc khẳng định tính phù hợp của việc áp dụng giả định hoạt động liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

34. THÔNG TIN KHÁC

Công ty niêm yết cổ phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Quyết định số 221 ngày 22/04/2015 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc hủy niêm yết cổ phiếu do lỗi quá 3 năm, ngày 15/5/2015 quyết định số 275/QĐ-SDGHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn chứng khoán Hà Nội (UPCOM).

35. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động: bộ phận đào tạo nghề lái xe, bộ phận kinh doanh viên gỗ nén. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận đào tạo lái xe: hoạt động đào tạo nghề ngắn hạn xe máy, ô tô.

Bộ phận kinh doanh viên gỗ nén: hoạt động sản xuất và buôn bán thành phẩm viên gỗ nén.

Các chỉ tiêu “Tài sản bộ phận”, “Nợ phải trả bộ phận”, “Chi phí phân bổ”, “Doanh thu tài chính”, “Chi phí tài chính”, “Lãi (lỗ) khác” và “Chi phí thuế thu thập doanh nghiệp” của từng lĩnh vực kinh doanh, được xác định theo tỷ lệ doanh thu thuần của lĩnh vực tương ứng trên tổng doanh thu thuần.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại 31/12/2018

| | <u>Đào tạo nghề</u> | <u>Bán hàng</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------|---------------------|-----------------|-----------------------|
| Tài sản | | | |
| Tài sản bộ phận | 51.102.585.157 | 13.837.396.026 | 64.939.981.183 |
| Cộng | | | 64.939.981.183 |
| Nợ phải trả | | | |
| Nợ phải trả bộ phận | 49.542.970.787 | 13.415.088.591 | 62.958.059.378 |
| Cộng | | | 62.958.059.378 |

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2018

| | <u>Đào tạo nghề</u> | <u>Bán hàng</u> | <u>Cộng</u> |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu thuần | | | |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài | 20.468.961.820 | 5.542.520.600 | 26.011.482.420 |
| Tổng doanh thu thuần | 20.468.961.820 | 5.542.520.600 | 26.011.482.420 |
| Giá vốn | | | |
| Giá vốn hàng bán | 18.678.626.914 | 6.098.039.472 | 24.776.666.386 |
| Chi phí phân bổ | 2.863.926.910 | 775.485.051 | 3.639.411.961 |
| Doanh thu tài chính | 1.354.632 | 366.803 | 1.721.435 |
| Chi phí tài chính | 2.534.152.078 | 686.189.667 | 3.220.341.745 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | (4.425.022.634) | (1.198.193.603) | (5.623.216.237) |
| Lãi (lỗ) khác | (37.973.764) | (10.282.415) | (48.256.179) |
| Lợi nhuận trước thuế | (4.462.996.398) | (1.208.476.018) | (5.671.472.416) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | - | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế | (4.462.996.398) | (1.208.476.018) | (5.671.472.416) |

35. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (TIẾP THEO)

Năm 2017

Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại 31/12/2017

| | <u>Đào tạo nghề</u> | <u>Bán hàng</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------|---------------------|-----------------|-----------------------|
| Tài sản | | | |
| Tài sản bộ phận | 56.619.675.730 | 10.152.428.492 | 66.772.104.222 |
| Cộng | | | <u>66.772.104.222</u> |
| Nợ phải trả | | | |
| Nợ phải trả bộ phận | 50.072.357.970 | 8.978.434.213 | 59.050.792.183 |
| Cộng | | | <u>59.050.792.183</u> |

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2017

| | <u>Đào tạo nghề</u> | <u>Bán hàng</u> | <u>Cộng</u> |
|--|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| Doanh thu thuần | | | |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài | 18.476.640.727 | 3.313.031.580 | 21.789.672.307 |
| Tổng doanh thu thuần | <u>18.476.640.727</u> | <u>3.313.031.580</u> | <u>21.789.672.307</u> |
| Giá vốn | | | |
| Giá vốn hàng bán | 20.717.570.192 | 2.024.546.961 | 22.742.117.153 |
| Chi phí phân bổ | 10.055.187.514 | 1.802.987.581 | 11.858.175.095 |
| Doanh thu tài chính | 917.394 | 164.497 | 1.081.891 |
| Chi phí tài chính | 2.002.242.123 | 359.020.424 | 2.361.262.547 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | (12.864.141.701) | (2.306.658.896) | (15.170.800.597) |
| Lãi (lỗ) khác | 1.367.412 | 245.189 | 1.612.601 |
| Lợi nhuận trước thuế | (12.862.774.289) | (2.306.413.707) | (15.169.187.996) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | - | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế | <u>(12.862.774.289)</u> | <u>(2.306.413.707)</u> | <u>(15.169.187.996)</u> |

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long T.D.K.

Người lập biểu



Nguyễn Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Dương Văn Sơn

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019
 Giám đốc




Lại Thế Vĩnh